

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠNG GIANG
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-8-2022

V/v không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thiêm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Vinh

2. Ông Trần Thành Đô.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Mạnh Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 228/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Anh Phan Văn T, sinh năm 1978 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang

*** Bị đơn:** Chị Đồng Thị Đ, sinh năm 1978 – *Vắng mặt*

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh B do ông Hoàng Minh T Chủ tịch UBND xã đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã N tham gia tố tụng Ông Lê Văn Th

- Công chức Tư pháp Hộ tịch đại diện tham gia tố tụng tại Tòa án *Vắng mặt.*

(Anh Tùng, chị Đ, anh Th đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Phan Văn Tùng trình bày:*

Từ năm 1998, anh và chị Đồng Thị Đ về chung sống với nhau, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương NH không đi

đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước. Vợ chồng anh chung sống tại thôn D, xã Nghĩa H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang. Trong quá trình chung sống, anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc. Năm 2021, anh và chị Đ nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Đ ghen tuông vô cớ, vợ chồng ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Đình Đ của mâu thuẫn là ngày 26/4/2022, bạn anh đến nhà chơi thì chị Đ thuê người về nhà đánh bạn của anh. Vụ việc phải do chính quyền địa phương xã N giải quyết. Nay bản thân anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, cuộc hôn nhân không thể kéo dài. Vì vậy anh làm đơn này đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn chị Đ.

Về con chung: Giữa anh và chị Diễm có 02 con chung là Phan Thị Ngọc T1, sinh ngày 13/10/1999 và Phan Văn H, sinh ngày 21/4/2001. Hiện nay các con đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Tùng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đồng Thị Diễm trình bày:* Chị và anh Tùng được tự do tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Năm 1998 chị và anh Tùng có đến nhà cán bộ tư pháp xã Nghĩa H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang để đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên giấy tờ chứng nhận kết hôn trước khi ly thân với anh Tùng chị để lại ở nhà anh Tùng, nay anh Tùng giấu đi và không thừa nhận việc đăng ký kết hôn do vậy chị đề nghị Tòa án xác minh với UBND xã Nghĩa H về việc có đăng ký kết hôn hay không. Chị và anh Tùng được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới, chị về nhà anh Tùng chung sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tùng quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Từ tháng 4 năm 2021 chị và anh Tùng ly thân, chị về nhà bố mẹ để ở cùng thôn sinh sống. Nay anh Tùng làm đơn khởi kiện xin ly hôn thì chị đồng ý ly hôn anh Tùng vì vợ chồng đã hết tình cảm.

Về con chung: Quá trình chung sống cùng nhau, vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị Ngọc T1, sinh ngày 13/10/1999 và Phan Văn H, sinh ngày 21/4/2001. Hiện nay các con đã trưởng thành nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Trường hợp vợ chồng không thỏa thuận được chị sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, UBND xã Nghĩa H trình bày:* Địa phương không nắm được vợ chồng anh Tùng, chị Diễm có được cấp Giấy chứng nhận kết hôn không, tuy nhiên kiểm tra sổ gốc đăng ký kết hôn lưu trữ tại

UBND xã Nghĩa H không có tên anh Tùng, chị Diễm đăng ký kết hôn. Anh Tùng và chị Diễm chung sống với nhau từ năm 1998 cho đến năm 2021 thì nảy sinh mâu thuẫn, do có mâu thuẫn nên chị Diễm về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn là do liên quan đến tài chính, kinh tế của gia đình và mâu thuẫn tình cảm. Giữa anh Tùng và chị Diễm có 02 con chung là Phan Thị Ngọc T1, sinh ngày 13/10/1999 và Phan Văn H, sinh ngày 21/4/2001. Địa phương đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng quay về chung sống cùng nhau.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của UBND xã Nghĩa H vắng mặt và đều có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử công bố các lời khai, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự, phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ theo đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Không công nhận quan hệ giữa anh Phan Văn Tùng và chị Đồng Thị Diễm là vợ chồng. Về con chung: Anh Tùng và chị Diễm có 02 con chung đều đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết về việc nuôi con. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Tùng và chị Diễm không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra đại diện VKS còn đề nghị giải quyết về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

- Kiến nghị, khắc phục vi phạm: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn, nguyên đơn anh Phan Văn T đề nghị giải quyết xin ly hôn nH nguyên đơn trình bày vợ chồng chung sống n H không đăng ký kết

hôn. Do đó xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể “*Không công nhận quan hệ vợ chồng*” theo khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị Đồng Thị Diễm cư trú tại thôn D, xã Nghĩa H, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang nên Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Phan Văn Tùng, bị đơn chị Đồng Thị Diễm, người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của UBND xã Nghĩa H là anh Lê Văn Th được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nh anh Tùng, chị Diễm và anh Th đều có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt anh Tùng, chị Diễm và anh Th .

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Tùng trình bày vợ chồng chung sống từ năm 1998 nh không đăng ký kết hôn, chị Diễm trình bày năm 1998 chị và anh Tùng có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nh chị không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn do anh Tùng giấu đi. Hội đồng xét xử thấy: Anh Tùng và chị Diễm chung sống cùng nhau từ năm 1998 đến nay, đủ điều kiện kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986, 2000 và Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chị Diễm trình bày chị và anh Tùng có đến nhà cán bộ tư pháp xã Nghĩa H đăng ký kết hôn nh theo quy định tại Điều 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986 có hiệu lực tại thời điểm năm 1998 (thời điểm chị Diễm khai thực hiện việc đăng ký kết hôn) thì “Việc kết hôn do UBND xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi và sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định...Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý”.

Anh Tùng không thừa nhận có đăng ký kết hôn, UBND xã Nghĩa H không tìm thấy tên anh Tùng chị Diễm trong sổ gốc đăng ký kết hôn hiện nay UBND xã đang quản lý. Do đó xác định anh Tùng và chị Diễm không đăng ký kết hôn. Nay anh Tùng làm đơn xin ly hôn chị Diễm, căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “ Trong trường hợp không đăng ký kết hôn nh có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Luật này” nên hôn nhân của anh Tùng và chị Diễm không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì không công nhận quan hệ giữa anh Phan Văn Tùng và chị Đồng Thị Diễm là vợ chồng.

[5]. Về con chung: Anh Tùng và chị Diễm có 02 con chung là Phan Thị Ngọc T1, sinh ngày 13/10/1999 và Phan Văn H, sinh ngày 21/4/2001 đều đã

trưởng thành, anh Tùng và chị Diễm đều không yêu cầu nên không giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Tùng và chị Diễm không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh Tùng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tại phiên tòa hôm nay là có cơ sở và đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Không công nhận quan hệ giữa anh Phan Văn Tùng và chị Đồng Thị Diễm là vợ chồng.

2. Về con chung: Anh Phan Văn Tùng và chị Đồng Thị Diễm có 02 con chung là Phan Thị Ngọc T1, sinh ngày 13/10/1999 và Phan Văn H, sinh ngày 21/4/2001. Cả 02 con đều đã trưởng thành, anh Tùng và chị Diễm không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh Tùng và chị Diễm không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Án phí: Anh Phan Văn Tùng phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm nH được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Tùng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012319 ngày 22/6/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Xác nhận anh Tùng đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9

Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lạng Giang;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Vũ Thị Thiêm